

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 74-TC/TQD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5 tháng 5 năm 1966

THÔNG TƯ

Giải thích và hướng dẫn thi hành thuế lợi tức doanh nghiệp

Căn cứ điều 48 của Điều lệ thuế công thương nghiệp ban hành theo quyết định số 200-NQ/TVQH ngày 18-01-1966 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và chỉ thị số 35-TTg/TN ngày 21-02-1966 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn việc thi hành thuế lợi tức doanh nghiệp như sau:

Thuế lợi tức doanh nghiệp thu vào lãi kinh doanh của tất cả các cơ sở công thương nghiệp kinh doanh tập thể hay riêng lẻ. Bằng cách điều hòa thu nhập giữa các ngành và điều tiết các mức lãi không hợp lý, thuế lợi tức doanh nghiệp khuyến khích, hướng dẫn các ngành nghề sản xuất, kinh doanh đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, khuyến khích phát triển sản xuất, thúc đẩy thực hiện quy hoạch ngành nghề, phân bổ lại lực lượng sản xuất, tăng cường và củng cố quan hệ sản xuất mới và thúc đẩy cải tạo xã hội chủ nghĩa.

A. AI PHẢI NỘP THUẾ LỢI TỨC DOANH NGHIỆP

Trừ các trường hợp nói ở đoạn dưới, tất cả các hợp tác xã, tổ chức hợp tác và hộ riêng lẻ kinh doanh công thương nghiệp có lãi đều phải nộp thuế lợi tức doanh nghiệp, kể cả các tư nhân cho thuê nhà, đất ở thành phố và thị xã.

Các trường hợp sau đây không phải nộp thuế lợi tức doanh nghiệp:

- Các người buôn chuyển đã nộp thuế buôn chuyển (vì thuế buôn chuyển là một hình thức thu gộp hai thứ thuế (doanh nghiệp và lợi tức doanh nghiệp), làm một;
- Các người làm nghề lặt vặt như mài dao kéo, giữ xe đạp... đan len, đan sợi, vì thu nhập ít nên đã được miễn thuế doanh nghiệp;

- Các cơ sở làm các nghề được coi là không thuộc hoạt động công thương nghiệp (người viết sách báo, ông lang chữa bệnh bằng châm cứu, bắt mạch kê đơn, họa sĩ bán tác phẩm do mình sáng tác, các đoàn tuồng, chèo, cải lương, các xưởng của trường học sản xuất không nhằm mục đích kinh doanh...) cũng không phải nộp thuế lợi tức doanh nghiệp. Nhưng nếu họ có những hoạt động kinh doanh phải chịu thuế doanh nghiệp thì cũng phải nộp thuế lợi tức doanh nghiệp (xem thông tư số 07-TC/TQD ngày 05-3-1966 của Bộ Tài chính về thuế doanh nghiệp);

- Các người làm nghề chuyên chở hàng hóa ở miền núi bằng xe lết, bằng ngựa thồ, bằng xe cút kít cũng được miễn thuế lợi tức doanh nghiệp;

- Các cơ sở thuộc trường hợp phải nộp thuế lợi tức doanh nghiệp, nhưng thu nhập thấp hay là gặp khó khăn do thiên tai địch họa, tai nạn bất ngờ, có thể được Ủy ban hành chính từ cấp huyện trở lên xét giảm hoặc miễn thuế lợi tức doanh nghiệp trong một thời hạn nhất định, theo đề nghị của cơ quan thu. Thời hạn này do Ủy ban hành chính quyết định, tùy theo cơ sở có khó khăn hay bị thiệt hại nhiều hay ít;

- Ngoài ra, để chiếu cố các tổ chức hợp tác và người riêng lẻ làm nghề vận tải hàng hóa bằng xe thồ, xe ba gác, xe bò người kéo, xe xích lô chuyên dùng để chở hàng hóa, các cơ sở này cũng được tạm thời miễn thuế lợi tức doanh nghiệp, tùy thuộc diện phải nộp thuế doanh nghiệp theo Điều lệ thuế công thương nghiệp mới.

Ở những vùng điều kiện vận tải có khó khăn hoặc phương tiện vận tải thiếu thốn, ở những vùng có nhu cầu đặc biệt về vận tải, các hoạt động vận tải bằng một số loại phương tiện vận tải nhất định như xe ngựa, xe trâu, thuyền,... nếu được Ủy ban hành chính tỉnh xét và quyết định tạm thời chưa thu thuế doanh nghiệp hay cho miễn thuế doanh nghiệp trong một thời gian nhất định, thì cũng được tạm thời miễn thuế lợi tức doanh nghiệp trong thời gian đó.

B. BIỂU THUẾ

I. Để phân biệt đối đãi các ngành kinh doanh khác nhau, điều lệ thuế mới có quy định ba biểu thuế khác nhau:

- Một biểu thuế cho các ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, vận tải, kiến trúc và ngành kinh doanh nông nghiệp nhưng không thuộc diện nộp thuế nông nghiệp,

- Một biểu thuế cho các ngành phục vụ và ăn uống,
- Một biểu thuế cho ngành thương nghiệp.

Nhằm động viên đóng góp công bằng hợp lý, sát với tình hình thu nhập (hiện nay còn khác nhau) của các cơ sở kinh doanh, đồng thời khuyến khích tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất, các biểu thuế lợi tức mới đều là biểu thuế lũy tiến từng phần.

1. Đối với các ngành tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, vận tải, kiến trúc, ngành kinh doanh nông nghiệp không thuộc diện chịu thuế nông nghiệp, biểu thuế quy định trong điều lệ là một biểu thuế lũy tiến từng phần, từ 8% đến 22%, áp dụng cho các hợp tác xã.

Đối với các hộ riêng lẻ kinh doanh các ngành nghề nói trên, điều lệ quy định là phải nộp thuế lợi tức theo biểu thuế áp dụng cho các hợp tác xã cộng thêm 25%; như vậy là để khuyến khích, thúc đẩy các hộ cá thể đi vào con đường làm ăn tập thể, đồng thời để tỏ rõ thái độ của Nhà nước ưu đãi hợp tác xã.

Tuy nhiên, đối với các hộ riêng lẻ kinh doanh các nghề mà Ủy ban hành chính tỉnh, hoặc thành phố đã quyết định không cần thiết phải tổ chức vào hợp tác xã vì tính chất của ngành, nghề đó, hoặc đối với các hộ riêng lẻ kinh doanh, sản xuất ở nơi xa xôi hẻo lánh, công thương nghiệp không tập trung, không có điều kiện tổ chức họ vào hợp tác xã, Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố (hoặc cấp chính quyền được ủy nhiệm) có thể quyết định chỉ phải cộng thêm 10% thôi.

2. Đối với ngành phục vụ, ngành ăn uống, biểu thuế quy định trong điều lệ là để áp dụng cho các hộ kinh doanh riêng lẻ, và là một biểu thuế lũy tiến từng phần, từ 10% đến 28%.

Để quản lý các hộ kinh doanh hai ngành này và giúp đỡ họ tiếp thu cải tạo, điều lệ quy định là các tổ hợp tác kinh doanh ngành phục vụ và ngành ăn uống nộp thuế theo biểu thuế áp dụng đối với hộ riêng lẻ nhưng được trừ đi 5%.

3. Đối với ngành thương nghiệp, biểu thuế quy định trong điều lệ là để áp dụng cho các hộ kinh doanh riêng lẻ, và là một biểu thuế lũy tiến từng phần, từ 12% đến 32%.

Thuế lợi tức đối với các tổ hợp tác kinh doanh thương nghiệp cũng tính theo biểu thuế trên đây nhưng được trừ đi 5% như đã giải thích ở điểm 2.

II. Hiện nay, có một số cơ sở kinh doanh công thương nghiệp thu được những mức lãi quá cao; để thúc đẩy các cơ sở đó kinh doanh đúng đường lối của Đảng và Nhà nước, chính sách thuế quy định việc điều tiết các mức lãi quá cao đó như sau: ngoài việc nộp thuế theo các biểu thuế đã định, các cơ sở có lợi tức vượt mức còn phải nộp thêm một tỷ lệ phần trăm tính trên phần lợi tức vượt mức. Tỷ lệ này do Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố (hoặc cấp chính quyền được ủy nhiệm) quyết định cho từng trường hợp và có phân biệt đối đãi giữa các ngành.

Ngành	Lợi tức hàng năm vượt mức	Phải nộp thêm
Sản xuất	1.600đ	phần lợi tức vượt mức
Phục vụ ăn uống	1.500đ	từ 5% đến 15%
Thương nghiệp	1.400đ	từ 8% đến 18%
		từ 10% đến 20%

Chính sách thuế lợi tức còn quy định những trường hợp miễn giảm thuế nhằm khuyến khích các hợp tác xã tăng cường trang bị kỹ thuật, khuyến khích tận dụng phế liệu, phế phẩm và sử dụng nguyên vật liệu thay thế cũng như khuyến khích các hợp tác xã di chuyển cơ sở theo quy hoạch của Nhà nước, khuyến khích các hợp tác xã thu nhận thương binh tham gia sản xuất. Các trường hợp miễn giảm này sẽ giải thích ở phần dưới.

C. TÍNH THUẾ

I. ĐỐI VỚI NGÀNH TIỂU CÔNG NGHIỆP, THỦ CÔNG NGHIỆP, VẬN TẢI, KIẾN TRÚC VÀ KINH DOANH NÔNG NGHIỆP KHÔNG THUỘC DIỆN NỘP THUẾ DOANH NGHIỆP

1. Hợp tác xã:

a) Lợi tức chịu thuế là doanh thu trừ (-) các khoản hao phí vật chất, phí tổn hợp lệ, và suất miễn thu, cộng (+) lợi tức phụ.

Doanh thu: xem giải thích trong thông tư số 07-TC/TQD ngày 05-3-1996 của Bộ Tài chính.

Các khoản được trừ gồm: hao phí vật chất, phí tổn hợp lệ và suất miễn thu.

Hao phí vật chất.

Khi tính trừ hao phí vật chất, cần chú ý hai khoản: hao phí nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và khấu hao tài sản cố định.

Để phát huy tác dụng giám đốc của tài chính đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, thông qua việc thu thuế lợi tức doanh nghiệp, việc tính trừ hao phí nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phải theo nguyên tắc là: mức trừ nhiều nhất không quá định mức do xí nghiệp cơ quan Nhà nước gia công, đặt hàng đã xác định. Nếu hao phí nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu của hợp tác xã thực hiện thấp hơn định mức của xí nghiệp, cơ quan gia công đặt hàng, thì cơ quan thu trừ theo mức thực tế của hợp tác xã, đồng thời phản ảnh với xí nghiệp cơ quan đặt hàng để nghiên cứu, điều chỉnh lại định mức cho sát với thực tế, Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố cần xác định trách nhiệm cho các xí nghiệp, cơ quan gia công đặt hàng phải tính toán giá cả và các định mức hao phí nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho sát, và mỗi khi ký một hợp đồng gia công đặt hàng, phải gửi một bản cho cơ quan thu để theo dõi và phối hợp quản lý, giúp đỡ hợp tác xã thực hiện tốt hợp đồng.

Cơ quan thu phải giúp đỡ hợp tác xã quản lý tốt và sử dụng tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, bảo đảm phẩm chất, quy cách hàng hóa. Cơ quan thu phải kiểm tra việc kê khai hao phí nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, ngăn ngừa lãng phí, tham ô vật tư của Nhà nước, đồng thời bảo đảm thu đủ, thu đúng chính sách.

Tính trừ khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) phải theo công thức khấu hao công nghiệp, và tính riêng cho từng tài sản cố định:

Mức	khấu=	Nguyên giá tài		Phí	tổn	Chi phí sửa
hao	tổng	sản cố định	-	Giá trị tàn dư +		chữa lớn
hợp cả năm		Thời gian sử dụng		thanh toán		